

Số: 62/2022/QĐST-HNGĐ

Từ Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thúy T, sinh năm 1964;
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963;
Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh
- Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào điều 55 - Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 12 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

Bà Vũ Thị Thúy T và ông Nguyễn Văn T1.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Bà Vũ Thị Thúy T và ông Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1992. Chị H, anh H1 đã trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân; Không yêu cầu giải quyết về con chung.

3. *Tài sản chung*

3.1 *Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị Thúy T gồm:*

+ Quyền sử dụng đất ở:

Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 18, diện tích 349,9m² (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có tứ cận:

Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Quang P;

Phía Nam giáp đất nhà ông Chu Văn L;

Phía Đông giáp ngõ bê tông;

Phía Tây giáp đường bê tông.

+ Tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà ở hai tầng, sân gạch, cổng ngõ, tường bao quanh sân gạch;

- Hai dãy nhà trọ cho thuê: Dãy thứ nhất một tầng gồm 5 phòng, được đánh số thứ tự từ 1 đến 5. Dãy thứ hai có hai tầng: Tầng 1 gồm: 4 phòng (được đánh số thứ tự từ số 6 đến số 9). Tầng hai gồm 5 phòng (được đánh số thứ tự từ số 10 đến số 14).

- Sân lát xi măng giữa dãy nhà trọ;

- 01 cầu thang sắt lên các phòng trọ trên tầng hai của dãy nhà trọ hai tầng;

- 01 mái tôn trước hiên dãy nhà trọ một tầng, 01 mái tôn trước hiên nhà trọ hai tầng;

- 01 bể nước, 01 giếng khoan đá.

+ Tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình:

01 bộ bàn ghế 06 món, gỗ hương (gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế đơn và 02 đôn); 01 án gian (tủ thờ bằng gỗ gu); 01 kệ Tivi; 02 lọ lộc bình bằng sứ; 01 Tivi LG 49ins, 01 máy giặt LG.

3.2 Bà Vũ Thị Thúy T sử dụng các tài sản gồm:

- 01 sân gạch, cổng ngõ, tường bao quanh sân gạch;

- Phòng trọ số 1, số 2, số 6, số 13, số 14.

Những tài sản này trên phần đất có diện tích $173m^2$, tứ cận:

Phía Bắc giáp phần đất của ông T1 dài 21,45m;

Phía Nam giáp đất của ông Chu Văn L dài 20,98m

Phía Đông giáp ngõ bê tông dài 8,31m;

Phía Tây giáp đường bê tông dài 8,02m.

3.3 Ông Nguyễn Văn T sử dụng các tài sản gồm:

- 01 nhà ở 2 tầng. Một phần nhà sẽ bị phá dỡ ($10,8m^2$) để trả lại đất cho bà Thành; 01 bể nước, 01 giếng khoan đá và 01 cầu thang sắt đi lên các phòng trọ trên tầng 2.

- Phòng trọ số 4, số 5, số 8, số 9, số 10, số 11.

Những tài sản này trên phần đất có diện tích $176,9m^2$, tứ cận:

Phía Bắc giáp đất nhà ông Chu Quang P dài 21,92m;

Phía Đông giáp ngõ bê tông dài 8,31m

Phía Nam giáp phần đất của bà T dài 21,45m;

Phía Tây giáp đường bê tông dài 8,01m

3.4 Đối với: Phần mái tôn trước hiên nhà trọ 1 tầng; Mái tôn trước hiên nhà trọ 2 tầng; Sân bê tông giữa hai dãy nhà trọ; Thuộc phần đất của ai thì người đó được sử dụng.

*Các phòng trọ số 3, số 7, số 12 do bị chia tách theo đất nên không còn giá trị sử dụng.

(Có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời)

Ông T1, bà T có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về đất đai.

3.4. *Tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình (đã qua sử dụng):*

- Bà Vũ Thị Thúy T sở hữu: 01 bộ bàn ghế 06 món gỗ hương gồm: 01 bàn, 01 ghế dài; 02 ghế đơn và 02 đôn và 01 Tivi loại LG 49ins.

- Ông Nguyễn Văn T1 sở hữu: 01 bàn thờ (án gian) bằng gỗ gụ, 02 lọ lộc bình bằng sứ; 01 kệ Tivi gỗ hương; 01 máy giặt LG.

4. *Về án phí:* Bà Vũ Thị Thúy T tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà T1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0003516 ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Hoàn trả bà T 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Do các đương sự đã tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản trước thời điểm Tòa án tiến hành phiên hòa giải, nên không phải chịu án phí trên phần tài sản được nhận.

Chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản hết số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Bà T đã nộp đủ và tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng này.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tp Từ Sơn, tỉnh;
- Chi cục THA TP Từ Sơn;
- UBND p. Tân Hồng, tp Từ Sơn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phong

